

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Niên Cường tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đề ngày 11/6/2020 (kèm theo hồ sơ);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 793/TTr-STNMT ngày 20 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Niên Cường (Địa chỉ: Nhà Ông Nguyễn Trọng Niên, thôn Tân Phúc, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa) được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đất san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Diện tích thăm dò: 11,54 ha, gồm 03 khu vực:

+ Khu vực 1a: Diện tích 2,26 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, A, B, C, D, E, F và 9;

+ Khu vực 1b: Diện tích 3,28 ha, được giới hạn bởi các điểm góc H, I, K, M, N, 4, 5, 6 và 7;

+ Khu vực 2: Diện tích 6,0 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 5, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17;

*(Ranh giới, tọa độ cụ thể các khu vực thăm dò có Bản đồ kèm theo);*

- Thời hạn thăm dò: 12 tháng (trong đó, thời gian thi công tại thực địa không quá 03 tháng), kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực;

- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;

- Chi phí thăm dò: 726.796.394 đồng, bằng nguồn vốn của Công ty TNHH Niên Cường (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước).

**Điều 2.** Công ty TNHH Niên Cường có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường và Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. Thực hiện thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc trong Đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá, đất cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh

giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh Thanh Hóa; nộp báo cáo vào lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Niên Cường chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình, khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH Niên Cường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Tân Trường;
- Lưu: VT, CN (Tungct).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND  
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
		X (m)	Y (m)
Khu vực 1a 2,26 ha	1	2144 557	569 757
	2	2144 678	569 953
	A	2144 781	569 880
	B	2144 705	569 839
	C	2144 687	569 790
	D	2144 678	569 746
	E	2144 696	569 721
	F	2144 727	569 707
	9	2144 721	569 700
Khu vực 1B 3,28 ha	H	2144 818	569 743
	I	2144 854	569 757
	K	2144 915	569 753
	M	2145 010	569 681
	N	2145028	569 697
	4	2145095	569 650
	5	2145183	569 433
	6	2145107	569 462
	7	2145020	569 584
Khu vực 2 6,0 ha	5	2145183	569 433
	10	2145301	569 430
	11	2145203	569 191
	12	2145025	569 300
	13	2144 925	569 239
	14	2144 862	569 443
	15	2144 931	569 466
	16	2144 945	569 498
	17	2145 119	569 306
<b>Diện tích thăm dò S = 11,54 ha</b>			